

ĐẶC ĐIỂM LỖI PHIÊN DỊCH CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

HOÀNG THỊ THAO¹

TRẦN NGỌC ĐỨC²

Abstract: Based on the theory of translation evaluation criteria and the identification of translation errors in terms of form and content, the article conducts a survey of common translation mistakes of students majoring in Korean Language. National University, School of Foreign Languages and Tourism, Hanoi University of Industry in the subject of Korean Interpretation 1. The survey shows that the typical mistakes that students often make in the process of studying this subject include pronunciation, grammatical, pragmatic, and translation errors, as well as redundant, missing, or wrong content errors. From the survey results, the article initially analyzes the causes of errors from many different angles. Subsequently, based on the findings of the cause analysis, the author proposed some methods to overcome these errors, aiming to improve the quality of teaching and learning the subject.

Keywords: *Interpreting, Korean, translation errors, teaching methods*

1. Đặt vấn đề

Đào tạo biên-phiên dịch chuyên ngành là một trong 8 mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội. Trong khung chương trình đào tạo dành cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc, các học phần biên - phiên dịch được giảng dạy bắt đầu từ học kì thứ 5 (tức là học kì 1 năm thứ ba). Môn phiên dịch được xây dựng gồm 03 học phần theo cấp độ từ dễ đến khó. Học phần Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1 là học phần đầu tiên về kĩ năng phiên dịch tiếng Hàn mà sinh viên được tiếp xúc, được dạy vào kì thứ 6 (học kì 2 năm thứ 3). Tuy nhiên trong quá trình giảng dạy tác giả nhận thấy dù sinh viên đang là sinh viên năm thứ ba, đang học trình độ kĩ năng tiếng ở mức độ cao cấp nhưng vẫn mắc khá nhiều sai sót trong quá trình chuyển ngữ. Vì vậy, thiết nghĩ việc khảo sát các lỗi sai, hệ thống hoá các lỗi sai cơ bản của sinh viên là một việc cần thiết. Bài viết sẽ tiến hành khảo sát các lỗi phiên dịch trong 250 bản dịch (dưới dạng file âm thanh) của sinh viên năm thứ ba (thuộc Khoá 13 và Khoá 14) trong học phần Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1

¹ ThS, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

² TS, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

được giảng dạy tại học kì thứ 6. Dựa trên kết quả khảo sát ngữ liệu và đối chiếu với khung lí thuyết, tác giả tiến hành hệ thống quá các lỗi dịch thuật mà sinh viên thường mắc; từ đó tìm hiểu nguyên nhân mắc lỗi từ nhiều góc độ khác nhau. Từ kết quả khảo sát và phân tích, bài viết đề xuất một số phương hướng nhằm khắc phục lỗi nói riêng và nâng cao chất lượng dạy - học biên dịch cho học phần Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1 nói chung.

2. Cơ sở lí luận và thực tiễn

2.1. Tiêu chí đánh giá bản dịch và lỗi dịch thuật

2.1.1. Tiêu chí đánh giá bản dịch

Về vấn đề tiêu chí đánh giá bản dịch, đây vẫn là câu hỏi chưa có đáp án thống nhất trong giới nghiên cứu dịch thuật nói chung và giảng dạy dịch thuật nói riêng. GS. TS. Vũ Văn Đại [1] đã liệt kê hai cách xác định tiêu chí đánh giá bản dịch, một của học giả Nghiêm Phúc (Trung Quốc) và một của Viện Đào tạo Phiên dịch Marie Haps - ILMH (Bi). Nghiêm Phúc yêu cầu một bản dịch phải đạt được ba tiêu chí: tín, đạt, nhã. Cụ thể là: trung thành với nguyên bản (tín), tôn trọng các quy tắc của ngữ đích (đạt), đảm bảo được tính thẩm mỹ của bản dịch trên bình diện văn phong (nhã). Viện Đào tạo Phiên dịch Marie Haps thì dẫn ra hai tiêu chí: thông điệp chính xác (tương đương hoàn toàn giữa giữa thông điệp khởi đầu và thông điệp đích); và chất lượng diễn đạt (đảm bảo quy tắc ngữ pháp, từ vựng, chính tả của ngữ đích và văn phong của bản nguồn). Từ đó, tác giả Vũ Văn Đại đã đưa ra quan điểm của riêng mình về “tiêu chí đánh giá bản dịch trong giảng dạy dịch” như sau: a) hoàn nguyên chính xác ngôn nghĩa; b) phù hợp về phong cách, có sử dụng các đặc ngữ; c) sử dụng đúng thuật ngữ; d) tính đến đặc điểm ngôn ngữ - văn hoá của độc giả đích hay đối tượng tiếp nhận bản dịch; e) đáp ứng quy chuẩn về hình thức trình bày [1, tr.77-85].

Trong một nghiên cứu khảo sát lỗi dịch thuật trong các biên báo, tác giả Nguyễn Thị Minh Tâm [3, tr.90-104] đưa ra 4 tiêu chí đánh giá bản dịch dựa trên mô hình phân tích bản dịch của Munoz (2012) và Keshavarz (1993) bao gồm các vấn đề sau: vấn đề về chính tả, ngữ pháp; vấn đề về lựa chọn từ vựng (từ và cấu trúc); vấn đề về nội dung dịch; ngữ dụng và phong cách ngôn ngữ.

Như vậy có thể thấy dù các tác giả có gọi tên và phân loại các tiêu chí theo các cách khác nhau song phần lớn các tiêu chí đều tập trung đánh giá hai bình diện là: nội dung thông điệp và hình thức diễn đạt của bản dịch.

2.1.2. Khái quát về lỗi và phân tích lỗi

Trong quá trình thụ đắc một ngoại ngữ, thường xuất hiện các khó khăn về ngôn ngữ mà người học gặp phải, đó là mắc lỗi. Theo Corder và một số học giả, có hai loại lỗi chủ

yếu, đó là: lỗi do nhầm lẫn (mistake) và lỗi do thiếu kiến thức (error). Lỗi do nhầm lẫn được tạo nên do yếu tố tâm lý hoặc yếu tố về thể chất, vì vậy người học có thể tự nhận ra và khắc phục được khi cần. Trái lại, lỗi do thiếu kiến thức có tính hệ thống và lặp đi lặp lại nhiều lần. Tuy nhiên, người học ngoại ngữ thường không biết rằng họ đang mắc lỗi, vì đây là một phần của “ngôn ngữ trung gian” (interlanguage). Theo Selinker, loại ngôn ngữ này được hình thành do người học sử dụng những chiến lược riêng để thụ đắc ngoại ngữ, nó không giống tiếng mẹ đẻ, cũng không giống như ngôn ngữ đích (target language).

Bài viết này tập trung vào lỗi sai về mặt kiến thức (error) của sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc trong quá trình học môn Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1. Kết hợp với khung tiêu chí đánh giá bản dịch trên hai bình diện: nội dung và hình thức đã nêu tại mục 3.2, tác giả bài viết tiến hành hệ thống lỗi dịch thuật của sinh viên theo bảng sau:

Bảng 1. Lỗi dịch thuật của sinh viên trong học phần Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1

Lỗi về hình thức		Lỗi về nội dung				
Lỗi phát âm	Lỗi chính tả	Lỗi từ vựng	Lỗi ngữ pháp	Lỗi văn phong	Lỗi ngữ dụng	Lỗi thừa/ thiếu/ sai nội dung

2.2. Khái quát về học phần “Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1”

Môn Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1 là môn học lí thuyết 03 tín chỉ, được giảng dạy trong 15 tuần với 05 chủ đề: giáo dục, văn hóa, xã hội, kinh tế và y tế theo tiến trình dưới đây, với 3 bài kiểm tra thường xuyên (KTTX): KTTX1 (vấn đáp) vào tuần 4, KTTX2 (vấn đáp) vào tuần 3 và KTTX3 (thuyết trình) vào tuần 12; Kinh tế: tuần 1 - 4; Văn hoá: tuần 5 - 7; Xã hội: tuần 8 - 10; Giáo dục: tuần 11-13; Y tế: tuần 14 - 15.

Tài liệu được sử dụng trong học phần là các văn bản, file âm thanh, video dưới dạng tin tức, bài báo, bài phát biểu ngắn về nội dung liên quan đến chủ đề được cập nhật trong thời gian gần đây (từ tháng 01/2021 trở lại đây). Mỗi tin bài có độ dài tương đồng, độ khó tương đương trình độ cuối trung cấp - đầu cao cấp và mang tính chất giới thiệu từ vựng, cấu trúc, kiến thức nền theo chủ đề nhằm mục đích mở rộng kiến thức và hình thành, tăng cường kĩ năng phiên dịch cho sinh viên. Phương thức giao bài tập được triển khai theo quy trình: (1) bài chuẩn bị trước khi đến lớp (nộp bài (file âm thanh) trên Google Classroom, MS Teams), (2) bài dịch trên lớp (sử dụng phần mềm Smart Class để nhận đề bài, dịch, ghi âm và nộp bài trực tiếp tại phòng lab), (3) bài tập về nhà (nộp bài (file âm thanh) trên Google Classroom, MS Teams):

3. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Ngữ liệu

Như trên đã đề cập, ngữ liệu dùng để tiến hành khảo sát trong nghiên cứu này là khoảng 100 bài tập phiên dịch từ tuần 1 đến tuần 15, học kì II năm học 2019-2020, của

46 sinh năm thứ 3 (Khoá 13) và 100 bài tập phiên dịch của 73 sinh viên năm thứ 3 (Khoá 14) trong học kì II năm học 2021-2022. Ngoài ra còn có 50 bài kiểm tra thường xuyên 1 vào tuần 4 và kiểm tra thường xuyên 2 vào tuần 8 để so sánh với các bài tập phiên dịch trong quá trình học. Như vậy có tổng cộng 250 bài tập phiên dịch được khảo sát và phân tích.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiến hành rà soát 250 file âm thanh bài tập phiên dịch của sinh viên 02 khoá được lưu trữ trên Google Classroom, MS Teams và phần mềm Smart Class (hiện đang được sử dụng để giảng dạy các môn Phiên dịch tại Trường Ngoại ngữ-Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội). Mỗi dạng thức xuôi hoặc ngược của mỗi chủ đề được lựa chọn ngẫu nhiên khoảng 20 bài để phân tích (Trong cả 2 khoá có 5 lớp nhỏ, mỗi một chủ đề lựa chọn 4 bài dịch ngược và 4 bài dịch xuôi của mỗi lớp nhỏ). Ngoài ra còn có 50 bài kiểm tra thường xuyên 1 vào tuần 4 và kiểm tra thường xuyên 2 vào tuần 8 để so sánh với các bài tập phiên dịch trong quá trình học. Mỗi một bài phiên dịch mắc 3 lỗi cùng nhóm trở lên thì được tính là “mắc lỗi” (do tiêu chí đánh giá biên dịch và phiên dịch khác nhau, nếu biên dịch yêu cầu độ chính xác tuyệt đối về mặt ý nghĩa và hình thức biểu đạt thì phiên dịch vẫn chấp nhận sai sót ở một mức độ nhất định).

4. Lỗi phiên dịch của sinh viên

4.1. Lỗi phiên dịch về mặt nội dung

Dựa vào Bảng 1 đã đưa ra tại mục 3.2, có thể thấy lỗi phiên dịch về nội dung bao gồm: 1) lỗi từ vựng, 2) lỗi ngữ pháp; 3) lỗi văn phong; và 4) lỗi thừa/ thiếu/sai nội dung.

a) Lỗi từ vựng:

Lỗi từ vựng thể hiện phần lớn ở chỗ: sinh viên lựa chọn không đúng từ để chuyển nghĩa được một cách chính xác thông điệp của văn bản nguồn. Điều này bắt nguồn từ hai nguyên nhân chính 1) người học chưa hoàn thành được bản dịch nội nghĩa, tức là chưa hiểu đúng chính ý nghĩa của văn bản nguồn, 2) người học hiểu được ý nghĩa văn bản nguồn song chưa tìm được từ vựng tương đương trong ngôn ngữ đích để chuyển nghĩa chính xác.

Có thể lấy một số ví dụ sau đây:

Văn bản nguồn (1): “동시에 OECD 에 따르면 2014 년 기준 한국의 공공사회지출(Public Social Expenditure)이 GDP 에서 차지하는 비율은 10.4%로 조사대상국 28 개국중 최하위일 정도로 복지에 대한 정부 지출 확대를 요구하는 목소리도 높아지고 있다.”

Bản dịch của sinh viên (1): “ Đồng thời, phúc lợi xã hội của Hàn Quốc yếu kém tới mức theo OECD, chỉ tiêu công cộng năm 2014 của Hàn Quốc chiếm 10.4% trong GDP, xếp vị trí cuối cùng trong số 28 nước được điều tra, điều này làm dấy lên ý kiến đòi chính phủ tăng ngân sách cho phúc lợi xã hội.”

Trong bản dịch (1) sinh viên đã dùng từ “điều tra” để chuyển nghĩa từ “조사” trong văn bản nguồn. Trên thực tế “조사” cũng có một nghĩa là “điều tra”. Tuy nhiên trong tiếng Việt, từ “điều tra” chỉ sử dụng đối với các sự việc liên quan đến pháp luật, còn trong trường hợp này đáp án phù hợp hơn sẽ là “khảo sát”. Vì trong văn cảnh này, tổ chức OECD tiến hành khảo sát về mức chi tiêu công dành cho phúc lợi xã hội tại các nước thành viên.

b) Lỗi ngữ pháp

Lỗi ngữ pháp là một trong những lỗi sinh viên mắc phải nhiều nhất trong quá trình làm bài tập phiên dịch. Lỗi ngữ pháp chủ yếu thể hiện ở các hình thái sau: sử dụng sai tiểu từ; sử dụng sai đuôi câu (chia động từ sai) và lỗi về trật tự câu. Tiếng Hàn là một ngôn ngữ có hệ thống tiểu từ phát triển khá đa dạng, các quy tắc chia đuôi câu phức tạp và trật tự câu gần như trái ngược với tiếng Việt. Đây là lí do khiến sinh viên mới tiếp xúc với môn Phiên dịch dễ mắc lỗi.

Lỗi dùng sai tiểu từ:

Văn bản nguồn (2): “Thỏa thuận thương mại song phương năm 2000 giữa Mỹ và Việt Nam đã tạo điều kiện cho sự phát triển này.”

Bản dịch của sinh viên (2): 미국과 베트남 간에 2000 년 쌍방무역협정이 이 발전의 토대를 마련했습니다.”

Khi đọc văn bản nguồn tiếng Việt, sẽ không thể thấy được vị trí của tiểu từ. Song với văn bản tiếng Hàn thì tiểu từ đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Trong trường hợp này có thể thấy hai thành phần “năm 2000” và “giữa Mỹ và Việt Nam” đóng vai trò bổ nghĩa cho “thỏa thuận thương mại song phương”, vì vậy cần dùng tiểu từ “의” thay cho “에”. “에” chỉ đích đến của hành động, do đó không phù hợp với ý nghĩa cần chuyển tải.

Lỗi chia sai đuôi câu:

Trong tiếng Hàn, một động từ có thể có rất nhiều cách chia khác nhau (động từ luôn nằm ở cuối câu - vì thế còn gọi là cách chia đuôi câu), tùy thuộc vào thời thể, mức độ thân thiết giữa người nói với người nghe, mối quan hệ kính trọng hay suồng sã thân mật. Vì vậy khi chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Hàn, việc lựa chọn được cách chia đuôi câu đúng cũng không phải là một việc dễ dàng.

Văn bản nguồn (3): “Ngoại giao văn hóa trong những năm gần đây đã đóng góp thiết thực trong quá trình xây dựng thông điệp quốc gia và thương hiệu địa phương.”

Bản dịch của sinh viên (3): “최근 몇 년 동안, 문화 외교는 국가 메시지 및 지방 브랜드 구축에 효과적으로 기여했습니다.”

Văn bản nguồn diễn tả ý: Trong những năm gần đây, ngoại giao văn hoá đã đóng góp thiết thực vào quá trình A. Nghĩa là việc “đóng góp” này đã bắt đầu từ nhiều năm trước,

kéo dài cho đến bây giờ và có thể sẽ tiếp tục trong tương lai. Vì vậy, việc sử dụng đuôi câu quá khứ đơn là chưa phù hợp, vì ngữ pháp này diễn tả một hành động đã bắt đầu tại một thời điểm nhất định trong quá khứ, chứ không có ý nghĩa “quá trình”. Vì vậy, đáp án phù hợp hơn để diễn tả “hành động đã bắt đầu tại quá khứ, kéo dài đến hiện tại” sẽ là “기여해 왔습니다”.

Lỗi về trật tự câu:

Như trên đã đề cập, trật tự câu tiếng Hàn hầu như sắp xếp ngược với trật tự câu tiếng Việt. Đặc biệt là vị trí giữa động từ và tân ngữ (trong tiếng Việt là bổ ngữ). Điều này đã gây ra không ít khó khăn cho người học trong quá trình chuyển nghĩa.

Văn bản nguồn (4): “Thứ ba, nghiên cứu thành lập một số doanh nghiệp, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp để kết nối hiệu quả giữa doanh nghiệp và Nhà trường phát triển các dịch vụ, tạo nguồn thu.”

Bản dịch của sinh viên (4): “셋째, 기업들과 혁신 생태계, 창업(스타트업)을 구축하는 것을 연구해야 하고 서비스를 개발하고 수익을 창출하며 기업과 학교를 효과적으로 연결할 수 있다.”

Trong bản dịch trên, sinh viên dùng hoàn toàn các ngữ pháp mang tính chất liệt kê “và” để chuyển ngữ thành một câu mà trật tự các vế câu giống hệt như câu trong ngữ nguồn. Tuy nhiên trong văn bản nguồn rõ ràng có vế câu mang nghĩa mục đích: “để kết nối hiệu quả giữa doanh nghiệp và Nhà trường phát triển các dịch vụ, tạo nguồn thu.” Mà trong tiếng Hàn, thành phần chỉ mục đích phải được đưa lên phía trước câu kết hợp với việc sử dụng ngữ pháp đặc dụng.

Gợi ý bản dịch (4): 셋째, 서비스를 개발하고 수익을 창출하도록 기업과 학교를 효과적으로 연결할 수 있는 기업들과 혁신 생태계, 창업(스타트업)을 구축하는 것을 연구해야 합니다.”

c) Lỗi văn phong

Sinh viên phần lớn đã phân biệt được văn phong cần phải có của các bản dịch dựa trên việc đã tìm hiểu và xác định kỹ yêu cầu về bản dịch thông qua văn bản nguồn. Tuy nhiên đôi lúc do sự thiếu sót về mặt kỹ năng hoặc sự gấp gáp về mặt thời gian nên sinh viên còn nhầm lẫn về văn phong bản dịch, hoặc tạo ra bản dịch mà các câu trong đó không thống nhất về mặt văn phong.

Ví dụ, với những bản nguồn là các bài giảng chuyên ngành hoặc các bài phát biểu, diễn thuyết, khi dịch sang tiếng Hàn cần phải sử dụng từ ngữ đúng văn phong nghị luận (trong tiếng Hàn thường ưu tiên những từ gốc Hán vì có cách diễn đạt sâu sắc và súc tích) song sinh viên đôi khi vẫn sử dụng những từ, ngữ của văn nói, thiếu tính nghiêm túc và trang trọng. Điều này chủ yếu là do vốn từ vựng cả tiếng Hàn và tiếng Việt của sinh viên còn chưa được chính xác và phong phú.

e) Lỗi dịch thừa/ thiếu/ sai nội dung

Do sự hạn chế về kho từ vựng, do những khó khăn về việc lựa chọn cấu trúc câu phù hợp; khó khăn trong việc nghe hiểu và nắm bắt thông tin của văn bản nguồn mà rất nhiều sinh viên dịch thiếu nội dung so với văn bản nguồn, dịch sai do nghe/ hiểu nhầm, hoặc dịch thừa do tự đoán và thêm thông tin vào bản dịch.

Lỗi dịch thiếu nội dung thường xảy ra ở những câu tiếng Hàn có nhiều thành phần, cần sử dụng nhiều phương tiện liên kết. Ví dụ:

Văn bản nguồn (5): “80 세 이상을 제외한 전 연령층에서 인구가 유출됐는데, 대학 진학이나 사회 진출이 시작되는 20 대의 유출률은 3.7%에 달했고, 사회 활동이 왕성한 30 대에서 50 대의 유출도 두드러졌습니다.”

Bản dịch của sinh viên (5): “Ngoại trừ người trên 80 tuổi thì dân số di cư ở tất cả các nhóm tuổi, và tỉ lệ di cư của những người ở độ tuổi 20 do bắt đầu học đại học hoặc bước vào xã hội đạt 3,7%, và dòng chảy di cư còn xảy ở cả những người ở độ tuổi từ ba mươi đến năm mươi.”

Như vậy, bản dịch của sinh viên đã thiếu mất thành phần định ngữ “사회 활동이 왕성한” (đã có những thành công nhất định trong hoạt động xã hội), vốn là thành phần bổ sung ý nghĩa cho cụm danh từ “30 대에서 50 대” (những người ở độ tuổi từ ba mươi đến năm mươi).

Ngoài những lỗi chính đã nêu ở bên trên, còn nhiều lỗi khác song tần suất xuất hiện ít hơn và chủ yếu phát sinh do vấn đề cá nhân của sinh viên hơn là do lỗi hệ thống về mặt ngôn ngữ. Ví dụ: một số sinh viên gặp khó khăn đặc biệt ở một số chủ đề, văn bản nguồn nhất định song những lỗi đó không lặp lại khi chuyển sang chủ đề, văn bản nguồn khác.

Dưới đây là thống kê về lỗi phiên dịch về nội dung trong 5 chủ điểm học phần:

Bảng 2. Lỗi phiên dịch về nội dung theo chủ điểm bài học các tuần

STT	Tên lỗi	Chủ điểm 1	Chủ điểm 2	Chủ điểm 3	Chủ điểm 4	Chủ điểm 5
1	Lỗi từ vựng	37/50 (74%)	37/50 (74%)	34/50 (68%)	31/50 (62%)	27/50 (54%)
2	Lỗi ngữ pháp	39/50 (78%)	37/50 (74%)	36/50 (72%)	34/50 (68%)	30/50 (60%)
3	Lỗi văn phong	28/50 (56%)	25/50 (50%)	20/50 (40%)	18/50 (36%)	17/50 (34%)
4	Lỗi thừa/ thiếu/ sai nội dung	36/50 (72%)	35/50 (70%)	32/50 (64%)	32/50 (64%)	29/50 (58%)

4.2. Lỗi phiên dịch về mặt hình thức

a) Lỗi phát âm:

Phần lớn sinh viên mắc lỗi phát âm trong các trường hợp biến âm theo quy tắc phát âm của tiếng Hàn, hoặc phát âm các phụ âm căng, phụ âm bật hơi (vốn tồn tại rất ít trong tiếng Việt). Ví dụ như các từ: ‘깨끗하다’(sạch sẽ), “일학년 학생” (sinh viên năm đầu), “출산률” (tỉ suất sinh)..., là những từ có cách phát âm không giống với chữ viết. Các quy tắc này sinh viên đã được học trong học phần Phát âm tiếng Hàn Quốc ngay tại học kì đầu tiên của khoá học. Tuy nhiên trong quá trình thực hành phiên dịch, do phải cùng lúc để ý đến nội dung dịch, văn phong bản dịch và phát âm nên phần lớn sinh viên khá lúng túng và phát âm chưa chính xác.

b) Lỗi chính tả:

Lỗi này xuất phát từ việc không nắm chắc hệ thống từ vựng nên sinh viên còn nhớ sai từ, hoặc không nhớ chính xác hình thức của từ, dẫn tới sử dụng những từ sai chính tả trong quá trình phiên dịch. Những từ có tỉ lệ sai chính tả cao có thể kể đến như: “저음” → “저음” (đầu tiên - không bật hơi), “비율” → “비윤” (tỉ lệ - nhằm phụ âm cuối [l] thành [n]), “지식 쌓기” → “지식 쌓기” (tích lũy tri thức - nhằm phụ âm căng thành phụ âm thường)... Lỗi này khác với lỗi phát âm ở chỗ: Sinh viên nhớ đúng từ vựng nhưng phát âm không chính xác, còn ở đây, bản chất vốn từ vựng của sinh viên có vấn đề nên sử dụng từ sai chính tả.

Các lỗi phiên dịch về mặt hình thức được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Bảng 3. Lỗi phiên dịch về hình thức theo chủ điểm bài học các tuần

STT	Tên lỗi	Chủ điểm 1	Chủ điểm 2	Chủ điểm 3	Chủ điểm 4	Chủ điểm 5
1	Lỗi phát âm	39/50 (78%)	36/50 (72%)	34/50 (68%)	31/50 (62%)	29/50 (58%)
2	Lỗi chính tả	18/50 (36%)	18/50 (36%)	15/50 (30%)	12/50 (24%)	12/50 (24%)

4.3. Phân tích kết quả

Qua hai bảng tổng hợp phân tích lỗi phiên dịch của sinh viên ở trên, có thể thấy: trong những tuần đầu tỉ lệ mắc lỗi là tương đối cao, kể cả về mặt nội dung và hình thức. Tuy nhiên, càng về sau khi sinh viên đã ý thức được những lỗi mà mình thường mắc nhờ sự hướng dẫn của giáo viên và các bạn cùng lớp thì tỉ lệ mắc lỗi đã giảm. Tuy nhiên mức giảm là chưa thực sự rõ rệt.

Về các lỗi sai liên quan đến mặt nội dung, có thể nhận thấy tỉ lệ mắc lỗi là khá cao, và giảm rất chậm qua các chủ điểm từ đầu đến cuối học phần. Có thể giải thích nguyên nhân của hiện tượng này là do: Nội dung phiên dịch có mối tương quan chặt chẽ với kiến thức từ vựng, ngữ pháp, văn phong... Do sinh viên vẫn còn nhiều lỗ hổng trong các lĩnh vực trên nên điều này sẽ thể hiện ra rất rõ trong quá trình chuyển ngữ. Đồng thời đây là học phần phiên dịch đầu tiên sinh viên được tiếp xúc nên chưa hoàn thiện được về mặt kĩ năng dịch.

Về các lỗi sai liên quan đến mặt hình thức có thể thấy lỗi chính tả có tần suất xuất hiện thấp hơn so với các lỗi phát âm, tuy nhiên vẫn còn ở mức cao. Nguyên nhân của vấn đề này có thể nằm ở chỗ: vốn từ vựng của sinh viên khi học các môn kĩ năng tiếng là chưa đủ để chuyển sang các học phần dịch. Đặc biệt là trong lĩnh vực dịch chuyên ngành, vì nó đòi hỏi sinh viên phải trang bị cho mình một hệ thống thuật ngữ và kiến thức nền tương đối rộng và sâu. Tuy nhiên sinh viên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu này. Việc năng lực tiếng (nghe, nói, đọc, viết) còn chưa đủ để đáp ứng cho môn Phiên dịch cũng đặt ra một bài toán về phương pháp dạy và học các học phần này trong 04 học kì đầu của sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.

5. Đề xuất phương án khắc phục lỗi và nâng cao chất lượng dạy - học

Thông qua quá trình khảo sát và phân tích, bài viết đã phân loại, liệt kê và minh họa các lỗi sai thường mắc của sinh viên trong quá trình học tập môn Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1 thông qua 2 bình diện: nội dung và hình thức. Thực ra sự phân chia thành hai bình diện cũng chỉ mang ý nghĩa tương đối vì hai bình diện này có mối liên hệ mật thiết với nhau. Có thể thấy phần lớn lỗi sai đều bắt nguồn từ các lỗ hổng về các phương diện: từ vựng, ngữ pháp và phát âm. Vì thế để khắc phục những lỗi sai này, tác giả bài viết đề xuất một số biện pháp sau:

1) Kết hợp các bài tập luyện dịch với các bài tập luyện ngữ pháp. Có thể cụ thể hoá bài tập này dưới dạng dịch câu, hoặc dịch đoạn ngắn để giúp sinh viên có thể lựa chọn được cấu trúc tối ưu nhất trong việc chuyển nghĩa. Hoặc cũng có thể tiến hành các bài tập sửa lỗi sai về tiểu từ, về trật tự câu, về chia đuôi câu để giúp sinh viên tự nhận ra các lỗi thường mắc của mình, tự tìm được phương án sửa chữa, khắc phục.

2) Về mặt từ vựng, có thể sử dụng các bài tập dịch từ, cụm từ, tìm từ gần nghĩa, trái nghĩa để củng cố và mở rộng kho từ vựng của sinh viên. Đồng thời khuyến khích sinh viên sử dụng các nguồn dữ liệu mở trên internet để tự mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức nền liên quan đến chủ điểm trong học phần.

3) Về mặt phát âm, khuyến khích sinh viên nghe thật nhiều những tin tức, file âm thanh bằng tiếng Hàn do người bản ngữ nói. Việc nghe tin tức sẽ luyện cho sinh viên

không chỉ kĩ năng phát âm, mà còn một cách tự nhiên mở rộng vốn từ và kiến thức nền trong các chủ điểm. Ngoài ra có thể hướng dẫn phương pháp shadowing (nghe và nhắc lại) để tự cải thiện khả năng phát âm của bản thân.

6. Kết luận

Thông qua việc thống kê, khảo sát và phân tích các lỗi dịch thuật thường mắc của sinh viên trong học phần Phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1, bài viết đã bước đầu chỉ ra nguyên nhân và đề xuất phương hướng khắc phục lỗi nhằm nâng cao chất lượng dạy và học học phần. Về mặt nội dung, các lỗi chủ yếu được chỉ ra là 1) lỗi từ vựng, 2) lỗi ngữ pháp, 3) lỗi văn phong, 4) lỗi thừa/ thiếu/ sai nội dung. Các lỗi này chủ yếu do sự thiếu sót về kiến thức từ vựng, ngữ pháp và từ khả năng nghe hiểu, ghi nhớ của sinh viên mà ra. Các lỗi về mặt hình thức có thể kể đến: 1) lỗi phát âm và 2) lỗi chính tả. Các lỗi này gây ra do việc không nắm vững các quy tắc phát âm của tiếng Hàn và không ghi nhớ chính xác hình thức của từ nên dẫn đến việc dùng từ sai. Để khắc phục những lỗi sai này, bài viết đã đề xuất một số biện pháp, trong đó chủ yếu là sử dụng các bài tập dịch phối hợp với bài luyện ngữ pháp, mở rộng vốn từ vựng và hướng dẫn, khuyến khích sinh viên khai thác những nguồn dữ liệu mở để tăng cường vốn kiến thức nền về các chủ điểm cụ thể trong học phần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Văn Đại, *Lí luận và thực tiễn dịch thuật*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 1991.
2. Lê Hoài Ân, *Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy biên dịch*, TC Khoa học ĐHQG - Ngoại ngữ, 27, tr. 246-255, 2011.
3. Nguyễn Thị Minh Tâm, Nguyễn Diệu Hồng, Trần Thị Long, *Khảo sát thực trạng sử dụng tiếng Anh trong các biển hướng dẫn du lịch tại một số điểm du lịch ở Miền Bắc Việt Nam*, TC Nghiên cứu nước ngoài, 33(2), tr. 90-104, 2017.
4. Corder, S. P., *The significance of learners's errors*, international review of applied linguistics, 5, pp. 161-169 Selinker, L. (1972) *Interlanguage*, IRAil, vol 10 (3), 1967.
5. 도리카이 구미코, 통번역학, 소통출판사, 2021.
6. 최정화, 통역 번역사에 도전하라 (개정판), 넥서스출판사, 2006.